

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 9 – 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 30/9/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Quang Diễm, xã YP, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Đỗ Thanh B, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn Quang Diễm, xã YP, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị T, anh B (chị T, anh B xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Thanh B vào ngày 21/6/2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YP, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B đã xa ngã vào con đường rượu chè ngày qua ngày không giúp gì được cho gia đình, vợ con. Giữa chị và anh B thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hiện nay chị đang sống ly thân anh B từ tháng 02/2017 cho đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân

không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thanh B.

Về con chung: Chị và anh B có ba con chung là Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 28/5/2003; Đỗ Thanh C, sinh ngày 09/4/2007 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 07/9/2009. Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bản tự khai đề ngày 05/9/2019, bị đơn anh Đỗ Thanh B trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của chị T. Anh B xác định sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung, có xảy ra va chạm, chị T đã tự ý bỏ đi từ năm 2016 đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh, vì thương các con nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh tùy chị T, anh chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị T có ba con chung là Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 28/5/2003; Đỗ Thanh C, sinh ngày 09/4/2007 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 07/9/2009. Các con chung muốn ở với ai là do nguyện vọng của các cháu, anh đồng ý với ý kiến của các cháu. Nếu ba cháu xin ở cùng anh, anh đồng ý nuôi và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của chị T. Nếu ba cháu xin ở với chị T anh cũng nhất chí, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi tháng 2.000.000 đồng cho cả ba cháu.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong đơn đề nghị đề ngày 25/7/2019 của cháu Đỗ Thị Thu H; Đỗ Thanh C và Đỗ Thanh T gửi Tòa án trình bày các cháu là con của bố Đỗ Thanh B và mẹ Phạm Thị T, hiện nay bố mẹ đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Các cháu không mong muốn bố mẹ ly hôn nhau nhưng nếu bố, mẹ kiên quyết ly hôn thì nguyện vọng của cháu Thu, cháu C, cháu T muốn được ở cùng với mẹ là chị T và đề nghị Tòa án cho các cháu được ở cùng với chị T theo nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng giữa chị T và anh B không thống nhất được vấn đề về tình cảm nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị T, anh B đều có đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị T, anh B đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đúng sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn chị Phạm Thị T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Đỗ Thanh B có nơi cư trú tại thôn Quang Diễm, xã YP, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T, anh B đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Thanh B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/6/2002 tại Ủy ban nhân dân xã YP, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng đã xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, áp lực nên hiện nay anh, chị đang sống ly thân. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn với anh B. Về phía anh B, anh cũng xác định cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng tuy nhiên anh B vì nghĩ đến các con nên không đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy trên thực tế chị T, anh B đã sống ly thân nhau, hôn nhân giữa anh chị đã chấm dứt từ năm 2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T kiên quyết xin ly hôn nên Tòa án không thể hoà giải, gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Anh B mặc dù không muốn ly hôn vì thương các con còn nhỏ nhưng anh cũng không có biện pháp gì để níu kéo cũng như hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy chị T, anh B đã sống ly thân một thời gian dài, đời sống chung không có, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T, anh B xác định anh, chị có ba con chung là Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 28/5/2003; Đỗ Thanh C, sinh ngày 09/4/2007 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 07/9/2009. Chị T, anh B thống nhất giao cả ba con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho cả ba cháu (trong đó cháu Thu 600.000đ/tháng; cháu C 700.000đ/tháng; cháu T 700.000đ/tháng) kể từ tháng 10/2019 đến khi con chung trưởng thành, tự lập nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh B phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Thanh B.

2. Về con chung: Giao cả ba con chung là Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 28/5/2003; Đỗ Thanh C, sinh ngày 09/4/2007 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 07/9/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho cả ba cháu (trong đó cháu Thu 600.000đ/tháng; cháu C 700.000đ/tháng; cháu T 700.000đ/tháng) kể tháng 10/2019 đến khi con chung trưởng thành, tự lập.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Phạm Thị T phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001183, ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Thanh B phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Thanh B được quyền kháng cáo trong hạn 15, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong T hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã YP: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Anh